ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 87 /BC-UBND	*Gia Lai, ngày 03 tháng 5 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Tính đến tháng 4/2026)

Kính gửi: Bộ Công an

Thực hiện Công văn số 3653/VPCP-CĐS ngày 24/4/2026 của Văn phòng Chính phủ và Báo cáo số 739/BC-BCA-VPB ngày 20/4/2026 của Bộ Công an về tình hình triển khai, các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp, nội dung công việc giao bộ, ngành, địa phương tháo gỡ, tổ chức thực hiện ngay; trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính báo cáo như sau:

Phần 1
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Nghị quyết

Trong Quý I/2026, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo nhằm triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở. Cụ thể:

a) Tỉnh ủy:

- Ban hành Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 09/01/2026 và Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026; theo đó, Kế hoạch xác định **93 nhiệm vụ** trên các lĩnh vực, bảo đảm bao quát toàn diện; đồng thời phân công cụ thể theo nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn", gắn với bố trí nguồn lực và cơ chế tổ chức thực hiện.

- Ban hành Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 13/02/2026 triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Gia Lai năm 2026.

- Ban hành Quyết định số 654-QĐ/TU ngày 27/02/2026 kiện toàn Tiểu ban chỉ đạo An toàn an ninh mạng của tỉnh.

- Ban hành Quy định số 622-QĐ/TU, ngày 02/02/2026 về mã định danh của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh Gia Lai trên mạng máy tính.

b) UBND tỉnh:

- Ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2026 về nâng cao chỉ số Chuyển đổi số (DTI);

- Ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22/01/2026 về Chuyển đổi số tỉnh năm 2026;

- Ban hành Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 về Kế hoạch triển khai Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Ban hành Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 về Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030;

- Ban hành Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 về Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030;

-Ban hành Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 về Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu, Danh mục dữ liệu tỉnh Gia Lai;

- UBND tỉnh cũng đã ban hành gần 40 văn bản chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương liên quan triển khai hiệu quả, đảm bảo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Tính đến ngày 31/3/2026, 16/16 sở, ban, ngành đã ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2026.

Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW. Ban Chỉ đạo của Tỉnh ủy, của UBND tỉnh đã thành lập Tổ giúp việc để giúp Ban Chỉ đạo theo dõi thường xuyên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao của từng cơ quan, đơn vị theo ngày và theo tuần; kịp thời báo cáo cho Ban Chỉ đạo tiến độ triển khai thực hiện và những khó khăn, vướng mắc để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo giám sát việc thực hiện theo quy định. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn

đốc việc thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Hằng tuần, trực tiếp Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì tổ chức họp định kỳ để rà soát, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ liên quan thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Ban chỉ đạo đã giao Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan thực hiện cập nhật tiến độ nghiêm túc trên Hệ thống thông tin giám sát https://theodoinq.dcs.vn của Trung ương và Hệ thống giám sát thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của tỉnh tại địa chỉ https://nq57.gialai.gov.vn theo đúng quy định.

2. Thống kê nhiệm vụ được giao

- *Số nhiệm vụ được Trung ương giao:* Tổng số có 244 nhiệm vụ được giao. Trong đó, số nhiệm vụ đã hoàn thành là 136 nhiệm vụ (đạt tỷ lệ 55,73%); số nhiệm vụ thường xuyên là 84 nhiệm vụ (chiếm 34,43%); số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn là 24 nhiệm vụ (9,84%). Đặc biệt, không có nhiệm vụ nào quá hạn chưa hoàn thành.

- Số nhiệm vụ được Chính phủ giao tại các phiên họp của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06: 17 nhiệm vụ. Trong đó, số nhiệm vụ đã hoàn thành là: 04 nhiệm vụ, số nhiệm vụ thường xuyên là 03 nhiệm vụ, số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn là 10 nhiệm vụ.

(*chi tiết tại Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ tại các phiên họp của Ban Chỉ đạo của Chính phủ đính kèm*)

3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP)

Đã nhận và giải quyết triệt để 04 phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP). Các nội dung kiến nghị tập trung vào việc hướng dẫn chế độ hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số theo Nghị định 179/2025/NĐ-CP; phản ánh hệ thống phần mềm do Trung ương chuyển giao không ổn định; cơ sở hạ tầng tại xã còn hạn chế và tâm lý e ngại của cán bộ cấp cơ sở.

Nhận xét, đánh giá chung: Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo cụ thể hóa kịp thời Nghị quyết 57-NQ/TW; nội dung đầy đủ, bám sát vào tình hình thực tế của địa phương; phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng, phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của từng đơn vị. Các ngành chức năng đã có sự phối hợp chặt chẽ, tham mưu Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy ban hành các văn bản đồng bộ, bảo đảm chất lượng, chặt chẽ, đúng quy trình, quy định, thời gian, có tính khả thi cao, sát thực tiễn, dễ tiếp cận và nhanh chóng đi vào cuộc sống. Một số nhiệm vụ thực hiện còn chậm so với tiến độ được giao.

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế tiếp tục được Tỉnh ủy xác định là khâu đột phá, nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tỉnh đã tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách; bảo đảm các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số và dữ liệu để bảo đảm sự thống nhất, thông suốt.

1.Về ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh:

- UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 03 nghị quyết trong quý II/2026 và cho chủ trương ban hành 01 nghị quyết[1] trong lĩnh vực Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đề xuất với cấp có thẩm quyền cho chủ trương để ban hành 02 nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về công nghiệp công nghệ số trong quý II/2026[2]. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn thiện và trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, nhằm kịp thời động viên lực lượng nòng cốt tại cơ sở.

2. Về quản lý nhà nước và quy hoạch chiến lược:

- Nhằm đồng bộ hóa công tác quản lý nhà nước sau sắp xếp đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 quy định việc bãi bỏ và áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật lĩnh vực khoa học và công nghệ giữa hai tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước sắp xếp).

- Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 phê duyệt Kế hoạch triển khai đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030.

3. Về hợp tác chiến lược và an ninh mạng:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chính thức ký kết Chương trình hợp tác xây dựng, triển khai mô hình điểm chiến lược dữ liệu tại tỉnh Gia Lai với Trung tâm Dữ liệu quốc gia (thuộc Bộ Công an).

- Về mặt an ninh bảo mật, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 654-QĐ/TU ngày 27/02/2026 kiện toàn Tiểu ban chỉ đạo An toàn an ninh mạng của tỉnh, đồng thời chỉ đạo sát sao việc xây dựng dự án Trung tâm An ninh mạng Gia Lai.

---

[1] Nghị quyết về định mức lập dự toán đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi từ ngân sách nhà nước để xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ có yếu tố hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai

[2] Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với phát triển nhân lực, khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số và Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục ,nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với dự án công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, sản xuất thiết bị điện tử và thiết kế chip bán dẫn;

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và cải cách thủ tục hành chính:

- Từ đầu năm 2026 đến nay, toàn tỉnh tiếp nhận 159.152 hồ sơ, trong đó số lượng hồ sơ được giải quyết trực tuyến đạt 151.782 hồ sơ, chiếm tỷ lệ rất cao là 95,37%.

- Công tác rà soát, tái cấu trúc quy trình số hóa mang lại kết quả đột phá với tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 97,46%, tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 97,68% và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 96,45%.

- Hiện tại, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của tỉnh đã có 9/12 Bộ, ngành triển khai sử dụng đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

2. Về ứng dụng chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và phát triển hạ tầng

- Hạ tầng số và kết nối chia sẻ dữ liệu: Hạ tầng viễn thông tiếp tục được mở rộng với 4.747 vị trí trạm thu phát sóng di động (gồm 9.545 trạm). Tỷ lệ phủ sóng di động và băng rộng di động đã đạt 100% tại trung tâm các xã, phường và 99,9% tại các thôn, làng (hiện chỉ còn 01 thôn chưa có sóng di động). Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II được triển khai đến 100% các cơ quan nhà nước và 100% cổng/trang thông tin điện tử của các đơn vị đã chuyển đổi sang IPv6. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đã kết nối thành công với 23 hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tỉnh Gia Lai đã và đang vận hành hiệu quả Hệ thống Trợ lý ảo https://trolyao.gialai.gov.vn. Sổ tay điện tử phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, tra cứu chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức của tỉnh; Hệ thống tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành; Hệ thống thông tin cấp xã https://xa.gialai.gov.vn/, cung cấp dữ liệu kinh tế – xã hội, dữ liệu nhân sự chủ chốt và địa giới hành chính cấp xã, là kênh thông tin chính thức phục vụ quản lý, điều hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu khai thác của người dân và doanh nghiệp; hệ thống thông tin kinh tế - xã hội 2 cấp https://datagov.gialai.gov.vn/. Duy trì hiệu quả các hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin quản lý trường học https://sgdgialai.ioc.edu.vn/; hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức https://quanlycbccvc.gialai.gov.vn/; hệ thống thông tin phòng chống thiên tai https://thientai.gialai.gov.vn/; hệ thống giám sát khai thác khoáng sản, phòng họp không giấy…

- Ứng dụng quản trị và điều hành: Việc gửi nhận văn bản điện tử có ký số trên môi trường mạng tại các cơ quan đạt 100%. Nổi bật, Hệ thống Trợ lý ảo cho cán bộ công chức (trolyao.gialai.gov.vn) đã được triển khai đồng bộ cho 100% sở, ban, ngành và 135 xã, phường để hỗ trợ công tác chuyên môn nghiệp vụ.

3. Về kinh tế số

- Tỉnh đã hỗ trợ tập huấn kỹ năng số và đưa lên sàn thương mại điện tử cho hơn 81,6% hộ sản xuất nông nghiệp (576/706 hộ có sản phẩm đạt OCOP, VietGAP…). Đặc biệt, 981 sản phẩm OCOP của tỉnh được chú trọng truyền thông và tiêu thụ trên các nền tảng số. Các mô hình "Chợ số - Nông thôn số" theo mô hình 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số) được mở rộng.

- 87,35% hộ kinh doanh đã sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. 100% trường học và cơ sở y tế chấp nhận thanh toán số. Mạng lưới thanh toán mở rộng với gần 5.000 thiết bị POS và hơn 4.100 đơn vị chấp nhận thanh toán QR code.

- Tỉnh đã ban hành "Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn – an ninh mạng giai đoạn 2025 – 2030". Thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn, điển hình là Tập đoàn FPT đầu tư Dự án Trung tâm Trí tuệ nhân tạo và các công ty phần mềm lớn (FPT Quy Nhơn, Tường Minh) với số vốn hàng ngàn tỷ đồng, tạo ra hàng ngàn việc làm.

4. Về xã hội số

- Đã có trên 2,75 triệu công dân được cấp thẻ CCCD (đạt 98,49%). Số lượng tài khoản VNeID được kích hoạt 2,31 triệu (đạt 82,85%) và sử dụng đạt trên 2,13 triệu tài khoản (76,52%).

- UBND các xã/phường đã thành lập 135 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với 2.557 thành viên. Các tổ này đóng vai trò nòng cốt trong việc hướng dẫn người dân định danh điện tử, thanh toán số, bán hàng trực tuyến và kỹ năng an toàn thông tin.

- Tỉnh đoàn phối hợp Trường Cao đẳng FPT Polytechnic Quy Nhơn triển khai 23 lớp "Bình dân AI học vụ", giúp hơn 10.500 lượt học sinh, đoàn viên thanh niên làm quen với ChatGPT, Gemini, Claude. Sở KH&CN đã tổ chức tập huấn kỹ năng số cho 576/706 hộ sản xuất nông nghiệp (đạt 81,6%) để đưa sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Kho dữ liệu số và bài giảng điện tử trên nền tảng K12Online đạt trên 720.408 học liệu. Hệ thống quản lý hồ sơ sổ sách điện tử đạt 2.399.886 hồ sơ.

5. Về an toàn, an ninh mạng:

- Tỉnh triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp. Nền tảng trung tâm điều hành an toàn thông tin (SOC) của Trung tâm Tích hợp dữ liệu (THDL) tỉnh đã được đưa vào vận hành, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát an ninh mạng với Bộ Công an theo quy định.[3] Hệ thống bảo mật tại Trung tâm

[3] UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2842/QĐ-UBND phê duyệt hồ sơ đề xuất an toàn thông tin cấp độ 3 đối với Hệ thống thông tin Trung tâm THDL tỉnh Gia Lai.

THDL được triển khai đồng bộ, bao gồm các thiết bị tường lửa thế hệ mới (Palo Alto, Fortinet, Imperva, Sophos) và thiết bị chuyên dụng chống tấn công DDoS.

- Công an tỉnh đã triển khai rà quét hơn 165 website thuộc quản lý, khai thác của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; tiến hành kiểm tra tại 8/15 sở ngành và thẩm định phê duyệt 73 hồ sơ đề xuất cấp độ cho hệ thống thông tin.

- Tỉnh đã tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng thực chiến tại Trường Đại học Quy Nhơn cho khoảng 100 cán bộ thuộc Đội ứng cứu sự cố của tỉnh; tổ chức phổ biến pháp luật về an toàn thông tin cho khoảng 120 cán bộ, giáo viên tại phường Bồng Sơn.

- Điểm nhấn trong Quý I/2026 là đợt kiểm tra, đánh giá thực trạng chấp hành các quy định về an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin kết nối CSDL quốc gia về dân cư và hệ thống Định danh, xác thực điện tử. Công an tỉnh đã kiểm tra trực tiếp tại UBND 14 phường (Quy Nhơn, Pleiku, An Khê, Ayun Pa...) và 14 sở, ban, ngành (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế...). Qua đó, đã kịp thời phát hiện và đề nghị khắc phục các lỗ hổng bảo mật.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Về triển khai các công nghệ chiến lược

** Triển khai 11 nhóm công nghệ chiến lược và 06 sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên*

- Tập trung thực hiện thúc đẩy việc nghiên cứu, làm chủ, chuyển giao và phát triển các công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ cao và công nghệ mũi nhọn, công nghệ chiến lược; đạt được một số kết quả như sau:

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ quan trọng thực hiện Nghị quyết 57 của tỉnh Gia Lai để hình thành các công nghệ, sản phẩm chiến lược theo "*Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn – an ninh mạng giai đoạn 2025 – 2030*"; "*Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn và an ninh mạng giai đoạn 2025 – 2030*"; Theo đó, việc triển khai kịp thời các đề án trên là điều kiện để tỉnh để hình thành các công nghệ, sản phẩm chiến lược (theo Quyết định 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ)

- Đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện 03 nhiệm vụ thuộc các nhóm công nghệ chiến lược theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, cụ thể gồm 03 nhóm công nghệ chiến lược: về vật liệu tiên tiến graphene, sản xuất cát nhân tạo, công nghệ y - sinh học tiên tiến để cải tiến cấu trúc và sản xuất hormone.

- Đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục các bài toán lớn để Trung ương xem xét, quan tâm hỗ trợ triển khai nghiên cứu, ứng dụng tại tỉnh.

Ngoài ra, trong Quý I năm 2026, đã tham gia 290 lượt ý kiến thẩm định về công nghệ đối với hồ sơ dự án về chấp thuận chủ trương đầu tư.

** Triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn*

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 26/9/2025. Hiện nay, tỉnh đang tiến hành khảo sát, đánh giá toàn diện hiện trạng công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo của địa phương (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính) để xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ phù hợp. Sở KH&CN đang tiến hành triển khai đánh giá năng lực, trình độ công nghệ sản xuất các ngành chủ lực trên địa bàn tỉnh.

2. Về công tác quản lý và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Công tác quản lý và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từng bước được đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Trong năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục theo dõi quản lý các nhiệm vụ các cấp, cụ thể:

- *Về nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia:* Tập trung theo dõi, quản lý 02 nhiệm vụ cấp quốc gia (Trong đó: Tiếp tục phối hợp theo dõi, quản lý 01 nhiệm vụ cấp quốc gia và 01 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý).

- *Về nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:* Triển khai thực hiện 42 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, nghiệm thu 04 nhiệm vụ. Đã ký 02 hợp đồng thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025.

3. Về Hoạt động đổi mới sáng tạo

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch Cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Gia Lai năm 2026[4].

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo[5].

- Tỉnh đang triển khai, xây dựng Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo năm 2026 của tỉnh theo Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05/04/2026 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo.

- Tiếp tục triển khai nhiệm vụ Tham gia mạng lưới kết nối các Trung tâm

[4] Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2026.
[5] Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh.

Đổi mới sáng tạo, Khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Trung tâm Khám phá Khoa học và ĐMST chủ động phối hợp với các sở ngành, cơ quan chức năng triển khai các nội dung nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đã được giao phù hợp với tình hình thực tế và định hướng của tỉnh. Đến nay, tỉnh đã kết nối hình thành mạng lưới 91 nhà đầu tư và 88 nhà tư vấn về khởi nghiệp sáng tạo.

- Các sở, ban ngành của tỉnh tích cực hỗ trợ, tư vấn việc hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo do Công ty VDCD thực hiện, cũng như làm việc về các nhiệm vụ phối hợp xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh.

- UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương phối hợp với Hội Tự động hóa Việt Nam tổ chức Hội nghị về tự động hóa VCCA 2026 tại tỉnh dự kiến vào trung tuần tháng 8/2026.

- Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với các đơn vị để đánh giá về điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng và cơ hội về định hướng hình thành "Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ tại tỉnh" phù hợp theo chiến lược vũ trụ quốc gia, trình UBND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Công nghệ Vũ trụ theo chiến lược phát triển khoa học công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ, UBND tỉnh ký kết Bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với Viện Khoa học Thiên văn và Không gian Hàn Quốc (KASI) để tạo khung hợp tác nghiên cứu khoa học và tham vấn, trao đổi kinh nghiệm hình thành phát triển một Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ tại tỉnh. Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo đã phối hợp với Nhóm nghiên cứu vật lý SAGI, Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội và một số nhà khoa học có uy tín trong lĩnh vực thiên văn học, công nghệ vũ trụ tiếp tục thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực thiên văn học.

4. Về Sở hữu trí tuệ

- UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND về tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng xâm phạm quyền SHTT, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, đồng thời góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, lành mạnh.

- Hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp được đẩy mạnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có 04 chỉ dẫn địa lý (Cà phê Gia Lai, Gạo Ba Chăm Mang Yang, Hồ Tiêu Chư Sê, Mai vàng Bình Định) và 77 nhãn hiệu cộng đồng (Nhãn hiệu Chứng nhận, Nhãn hiệu tập thể).

- Trong quý I/2026, trên địa bàn tỉnh đã được cấp 02 bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, đạt 33% kế hoạch năm 2026.

5. Về Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Nhân lực KH&CN: Triển khai Đề án phát triển giáo dục STEM giai đoạn 2025-2030, hướng tới mục tiêu 100% học sinh phổ thông được tiếp cận giáo dục STEM.

- Nhân lực chuyển đổi số: Đã tổ chức tập huấn kỹ năng số cho hơn 15.761 lượt cán bộ, công chức, viên chức và phổ cập kỹ năng số cho người dân qua phong trào "Bình dân học vụ số".

6. Thúc đẩy mô hình hợp tác 3 Nhà, khu công nghệ cao, đô thị thông minh

- Mô hình "3 Nhà": Tỉnh đang tổ chức thí điểm 05 mô hình hợp tác giữa Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đồng ý chủ trương công nhận, thành lập 03 Khu Công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh gồm: Khu Công nghệ số tập trung Công viên Sáng tạo TMA, Khu Công nghệ số tập trung FPT Software Quy Nhơn, Khu Công nghệ số tập trung Long Vân.

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo khẩn trương hoàn thiện nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó bổ sung vào quy hoạch tỉnh phương án phát triển khu Công nghệ số tập trung theo quy định.

- Dự án Công viên Sáng tạo TMA (TMA Innovation Park) của Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Tường Minh Bình Định được công nhận là khu công nghệ số tập trung.

- Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software của Công ty TNHH Phần mềm FPT Quy Nhơn thành Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghệ số tập trung FPT Software Quy Nhơn.

- Ngành Xây dựng đang tiên phong áp dụng các giải pháp công nghệ để giải quyết các vấn đề đô thị: Thu phí không dừng tại bến xe: Đã triển khai thí điểm và đưa vào hoạt động hệ thống thu phí dịch vụ xe ra/vào, đỗ xe theo hình thức điện tử không dừng (ETC) tại Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn và Bến xe khách Đức Long Gia Lai. Hệ thống này giúp giảm ùn tắc và minh bạch hóa nguồn thu.

V. VỀ KINH PHÍ CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác phân bổ, giao dự toán và tiến độ giải ngân kinh phí

a) Về giao dự toán ngân sách:

Căn cứ Kế hoạch và định hướng ngân sách năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước. Tổng dự toán chi sự nghiệp cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 được giao là 474.741 triệu đồng, trong đó ngân sách tỉnh đảm bảo 454.491 triệu đồng. Riêng Sở Khoa học

và Công nghệ được giao 164,5 tỷ đồng từ nguồn phân bổ của Trung ương (bao gồm 114,5 tỷ đồng chi thường xuyên và 50 tỷ đồng chi đầu tư).

b) Về tiến độ giải ngân:

Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh đã thực hiện giải ngân được 18.917,39 triệu đồng. Trong đó, số vốn giải ngân cho lĩnh vực KHCN, ĐMST đạt 18.730,29 triệu đồng và lĩnh vực CĐS giải ngân 187,1 triệu đồng. Các số liệu giải ngân đều được tổng hợp và báo cáo định kỳ hằng tháng trên Hệ thống giám sát theodoinq.dcs.vn.

2. Về phân bổ vốn đầu tư phát triển và huy động nguồn lực từ Trung ương

a) Về phân bổ vốn đầu tư:

Tỉnh đã bảo đảm việc phân bổ vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS đạt mức tối thiểu theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05/12/2025.

b) Đề xuất Trung ương hỗ trợ:

Nhằm chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực cho giai đoạn 2026 – 2030, UBND tỉnh đã rà soát và gửi các văn bản[6] kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ nhu cầu vốn đầu tư. Đặc biệt, tỉnh đã đề xuất Trung ương hỗ trợ các khoản kinh phí sự nghiệp trọng điểm gồm: 440.000 triệu đồng để triển khai Đề án phát triển giáo dục STEM; 14.396,5 triệu đồng để tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế, lớp học chuyên đề tại Trung tâm ICISE và kinh phí hoạt động thường xuyên cho Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo.

3. Về đổi mới cơ chế quản lý tài chính và công tác phòng, chống lãng phí

a) Đổi mới cơ chế quản lý tài chính:

Tỉnh đang khẩn trương đẩy mạnh việc quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ nhằm tăng cường tính linh hoạt và hiệu quả. Hiện tại, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh đang xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, điều hành và hoạt động, bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các quy định mới của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025.

b) Về công tác phòng, chống lãng phí:

Bám sát định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã quán triệt sâu rộng và nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về tối ưu hóa nguồn lực, kiên quyết phòng, chống lãng phí trong mọi hoạt động của hệ thống chính trị. Tỉnh ủy yêu cầu kiểm soát chặt chẽ các nguồn lực, tuyệt đối không được để lãng phí nguồn lực con người, lãng phí thời gian và lãng phí cơ hội phát triển. Trách nhiệm của người đứng đầu được đề cao; yêu cầu chủ động nhận diện sớm

[6] số 8094/UBND-KGVX, số 2336/UBND-KGVX, số 2843/UBND-KGVX

các nguy cơ lãng phí để có giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, kiên quyết không để xảy ra hậu quả thất thoát, lãng phí rồi mới tiến hành xử lý.

c) Thu hút doanh nghiệp lớn và quỹ đầu tư

- Thu hút doanh nghiệp công nghệ lớn: Tập đoàn FPT: Đã đầu tư Dự án Trung tâm Trí tuệ nhân tạo (AI) - Đô thị phụ trợ Long Vân và Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software.

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số thời gian qua đã được tỉnh chủ động mở rộng, đi vào chiều sâu và đạt được những kết quả cụ thể:

- Trung tâm ICISE thể hiện vai trò cầu nối chiến lược khi liên tiếp tổ chức thành công 04 sự kiện quốc tế quy mô lớn trong Quý I/2026, bao gồm: Hội nghị Quốc tế về Hiển vi tiên tiến cho khoa học sự sống và vật liệu; Hội nghị Quốc tế lần thứ 5 về Ô nhiễm môi trường, biện pháp phục hồi và Quản lý; Hội thảo Quốc tế lần thứ 2 về cây dược liệu và Hợp chất thiên nhiên; và Hội thảo quang tử ASEAN mở rộng.

- Song song với hợp tác học thuật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký kết Biên bản ghi nhớ (MoU) quan trọng với Tập đoàn FPT về thỏa thuận hợp tác thúc đẩy đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đạt được

a) Về tiến độ và tính kỷ luật:

- Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã thể hiện sự chủ động, quyết liệt cao độ khi không chờ Ban Chỉ đạo Trung ương giao việc mà tự rà soát, đề xuất và ban hành kịp thời các Kế hoạch (số 31-KH/TU, 42-KH/TU, 43-KH/TU), xác định rõ người, rõ việc, rõ thời hạn.

- Kết quả thực tiễn cho thấy, 136/244 nhiệm vụ Trung ương giao đã được hoàn thành (đạt 55,73%) và tuyệt đối không có nhiệm vụ nào quá hạn.

b)Về hạ tầng và chính quyền số:

- Tỷ lệ phủ sóng di động và băng rộng di động đạt 100% tại trung tâm các xã, phường và 99,9% tại các thôn, làng; toàn tỉnh chỉ còn duy nhất 01 thôn chưa có sóng.

- Tỉnh đã triển khai thành công Hệ thống Trợ lý ảo ứng dụng AI cho 100% sở, ban, ngành và 135 xã, phường; việc gửi nhận văn bản điện tử có ký số đạt 100%.

- Trong cung cấp dịch vụ công, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 95,37%, tỷ lệ số hóa đạt 97,46% và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 96,45%, đánh dấu sự chuyển đổi thực chất, mang lại hiệu quả cao.

c) Về xã hội số:

Tỉnh đã tạo ra sức lan tỏa lớn qua phong trào "Bình dân AI học vụ" với 23 lớp, giúp hơn 10.500 lượt cán bộ trẻ, đoàn viên làm quen, ứng dụng các công cụ AI (như ChatGPT, Gemini).

d) Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo được duy trì ổn định với 01 doanh nghiệp công nghệ cao, 67 doanh nghiệp ICT và 30 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) và Viện IFIRSE tiếp tục phát huy vai trò cầu nối, tập trung vào 04 hướng nghiên cứu chính: Vật lý Neutrino, Vật lý thiên văn, Vật lý lượng tử và Vật lý sinh học.

- Ngay trong những tháng đầu năm 2026, ICISE đã tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế về Hiển vi tiên tiến cho khoa học sự sống và vật liệu, cùng Hội nghị Quốc tế lần thứ 5 về Ô nhiễm môi trường, biện pháp phục hồi và quản lý.

2. Tồn tại, hạn chế

a) Về nền tảng liên thông và dịch vụ công:

Các phần mềm, hệ thống do Trung ương triển khai cho địa phương đôi lúc hoạt động chưa ổn định. Đặc biệt, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến dành cho doanh nghiệp mới chỉ đạt 32%, chưa đạt được mục tiêu 100% như kỳ vọng.

b) Về nguồn lực tài chính và nhân lực:

Nguồn kinh phí riêng biệt để triển khai các mô hình điểm chuyển đổi số cho các ngành còn thiếu, dẫn đến việc phải lồng ghép vào các chương trình khác, gây nguy cơ chậm tiến độ. Bên cạnh đó, việc thu hút đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ cao chưa đạt mục tiêu do thiếu cơ chế đãi ngộ đủ mạnh, và bài toán phổ cập công nghệ cho vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn.

c) Về an toàn, an ninh mạng:

Qua công tác kiểm tra thực trạng tại 14 phường và 14 sở, ban, ngành, đã phát hiện nhiều lỗ hổng bảo mật. Nhận thức cũng như kỹ năng về an toàn thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức, đặc biệt ở cấp cơ sở, vẫn còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan:

- Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho doanh nghiệp đang phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống của các Bộ, ngành chủ quản trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Một số Bộ, ngành Trung ương chưa hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo lộ trình và chưa sẵn sàng chia sẻ cho địa phương đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức của cấp ủy, người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị về tầm quan trọng của an toàn, an ninh mạng chưa đầy đủ, có lúc còn xem nhẹ việc đầu tư nguồn lực cho công tác này.

- Các thể chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, đãi ngộ chuyên gia đầu ngành vào các lĩnh vực công nghệ chiến lược (AI, bán dẫn) vẫn đang trong quá trình xây dựng, chưa được ban hành kịp thời để tạo sức hút cạnh tranh.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn chỉ đạo, điều hành, Đảng ủy UBND tỉnh rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thống nhất của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự điều hành linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh là yếu tố tiên quyết bảo đảm sự thành công, nhất là trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính.

- Hai là, phải xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ; phân công nhiệm vụ theo phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ", đặc biệt đối với các nhiệm vụ có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều sở, ngành.

- Ba là, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư tương xứng cho hạ tầng số và an toàn thông tin, coi đây là nền tảng cốt lõi không thể xem nhẹ.

- Bốn là, xác định phát triển nguồn nhân lực tại chỗ là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài; cần có cơ chế đột phá để thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài, đặc biệt là nhân lực làm việc tại cấp cơ sở.

VIII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhằm tiếp tục duy trì đà phát triển và hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong thời gian tới cần tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

- Ban hành Quy định Quản lý nhiệm vụ Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (hoàn thành Quý II/2026).

- Xây dựng và phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý điều hành và hoạt động Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (hoàn thành Quý II/2026).

- Hoàn thiện, ban hành Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp công nghệ số của tỉnh (hoàn thành Quý II/2026). Ban hành Kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong phát triển đô thị thông minh.

- Khẩn trương ban hành và triển khai thực hiện Bộ tiêu chí chấm điểm người đứng đầu về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và bộ tiêu chí chấm điểm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị.

2. Về chuyển đổi số

- Triển khai việc xây dựng, nâng cấp hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống Camera giám sát an ninh, trật tự, xử lý vi phạm và điều hành giao thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh. Triển khai thực hiện số hóa tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh.

- Triển khai mô hình "Xã hạt nhân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số".

- Triển khai các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh năm 2026 như: Hệ thống Trợ lý ảo AI cấp tỉnh ứng dụng công nghệ RAG; Ứng dụng công nghệ GIS, UAV, dữ liệu không gian và hệ thống giám sát số phục vụ công tác quản lý đất đai, khai thác khoáng sản, tài nguyên rừng, đánh giá thiên tai và đánh số nhà; Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Gia Lai; Xây dựng cơ sở dữ liệu số cho Đô thị Quy Nhơn và Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

- Tổ chức rà soát, đánh giá và triển khai các đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo năm 2026 của tỉnh thông qua hình thức đặt hàng gắn với các bài toán lớn của địa phương.

- Xây dựng, triển khai chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành (bao gồm cả chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài) để dẫn dắt các dự án công nghệ chiến lược (Trí tuệ nhân tạo, Robot, Y sinh, Bán dẫn, Lượng tử...).

- Tổ chức đánh giá năng lực, trình độ công nghệ sản xuất các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch đã ban hành.

- Tập trung các nguồn lực thúc đẩy nghiên cứu, làm chủ và chuyển giao 03 nhóm công nghệ chiến lược ưu tiên: Trí tuệ nhân tạo (AI), Công nghệ điện toán đám mây và Công nghệ Blockchain. Đề xuất và triển khai phát triển 04 sản phẩm

công nghệ chiến lược trong công nghệ chiến lược quốc gia như: Công nghệ năng lượng, vật liệu tiên tiến, Công nghệ y - sinh học tiên tiến và Công nghệ mới (chưa có trong danh mục).

4. Về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

- Tập trung thực hiện 06 nhiệm vụ trọng điểm do Tỉnh ủy giao, bảo đảm hoàn thành dứt điểm trong Quý II/2026 theo đúng tiến độ đề ra.

- Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức; kiên quyết xác định tầm quan trọng của an toàn thông tin và thể hiện quyết tâm chính trị, chịu trách nhiệm của người đứng đầu trong mọi hoạt động chuyển đổi số.

- Đẩy nhanh các bước thực hiện để trình phê duyệt chủ trương đầu tư và triển khai Dự án "Xây dựng Trung tâm An ninh mạng tỉnh Gia Lai".

Phần 2

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo

- UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 57 UBND tỉnh tiếp tục ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06[7].

- UBND tỉnh ban hành các Quyết định/Kế hoạch quan trọng về chuyển đổi số, Đề án 06 và nhiệm vụ mô hình điểm về dữ liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai như: Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 về Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030; Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 về Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030; Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 về ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu, Danh mục dữ liệu tỉnh Gia Lai; Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 về Ban hành Mô hình nghiệp vụ dữ liệu tỉnh Gia Lai;…

- UBND tỉnh, các sở, ngành tổ chức/tham dự các Hội nghị triển khai các nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), chuyển đổi số[8]; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh làm việc với các sở, ngành về tình hình thực hiện Nghị quyết 57, chuyển đổi số và Đề án 06 định kỳ sáng thứ 5 hằng tuần.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

---

[7] Công văn số 3608/UBND-PVHCC ngày 27/3/2026 V/v tăng cường kiểm soát hồ sơ trả lại công dân trong giải quyết TTHC; Công văn số 3612/UBND-PVHCC ngày 27/3/2026 V/v đảm bảo việc kết nối Cổng DVC quốc gia liên tục, thông suốt, không gián đoạn; Công văn số 3237/UBND-KGVX ngày 20/3/2026 V/v triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3323/UBND-NNMT ngày 23/3/2026 V/v cập nhật CSDL Hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025; Công văn số 3330/UBND-KGVX ngày 23/3/2026 V/v nhập liệu kết quả nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Công văn số 3808/UBND-KGVX ngày 31/3/2026 V/v đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng; Công văn số 3832/UBND-KGVX ngày 01/4/2026 V/v phối hợp, triển khai Hệ thống quản trị bảo mật điểm kết nối thiết bị;…

[8] *Gồm:* Hội nghị hướng dẫn kỹ thuật triển khai Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA và Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT (ngày 06/4/2026); Hội nghị rà soát tiến độ tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ, ngành địa phương với Cổng DVC quốc gia (ngày 06/4/2026); tập huấn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương kỹ năng sử dụng các "Hệ thống điều phối giải quyết TTHC", "CSDL quốc gia về TTHC" và "Hệ thống hỗ trợ, xử lý phản ánh kiến nghị" (ngày 14/4/2026); Hội nghị thống nhất dự thảo trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030 (ngày 01/4/2026); Hội nghị triển khai công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính, xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai (ngày 30/3/2026); Phiên họp lần thứ nhất (ngày 03/3/2026) và Phiên họp lần thứ hai (ngày 25/02/2026) năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; phối hợp triển khai tích hợp các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, ngành địa phương với Cổng DVC quốc gia (ngày 27/3/2026); UBND tỉnh tổ chức Phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ngày 03/3/2026;…

- Tổng số nhiệm vụ Đề án 06: 29 nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ đã hoàn thành: 02 nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ đang triển khai thực hiện: 22 nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ duy trì thường xuyên: 05 nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 00 nhiệm vụ.

(Có Phụ lục 1 kèm theo)

3. Hoàn thiện thể chế

- Tham gia góp ý các dự thảo: Nghị định quy định cơ chế đột phá phát triển cho hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu của Trung tâm sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia[9]; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước[10]; Nghị định của Chính phủ về hoạt động của Sàn dữ liệu[11]; Thông tư quy định mức thu phí, lệ phí nhằm hỗ trợ kết nối, khai thác dữ liệu và khuyến khích sử dụng dịch vụ công qua ứng dụng VNeID[12].

- Báo cáo Tổng kết thi hành pháp luật về định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai[13].

4. Cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Ban hành Quyết định giao 07 chỉ tiêu liên quan đến Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2026[14].

- Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh[15]; trọng tâm là đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ, rà soát nhóm thủ tục hành chính liên thông nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân.

- Ban hành danh mục đối với 100% thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai[16] và Quy chế phối hợp thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai[17].

---

[9] Công văn số 1809/CAT-PC06 ngày 09/02/2026 của Công an tỉnh; Công văn số 2980/CAT-PC06 ngày 13/3/2026 của Công an tỉnh.

[10] Công văn số 3327/CAT-PC06 ngày 23/3/2026 của Công an tỉnh.

[11] Văn bản số 1051/STP-NV1 ngày 31/3/2026, văn bản số 1008/STP-NV1 ngày 27/3/2026 và văn bản số 263/BC-STP ngày 07/4/2026 của Sở Tư pháp.

[12] Công văn số 2050/STC-QLNS ngày 12/3/2026 của Sở Tài chính.

[13] Báo cáo số 4028/BC-CAT-PC06 ngày 10/4/2026 của Công an tỉnh.

[14] Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[15] Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[16] Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[17] Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Triển khai tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã kết nối, chia sẻ trong giải quyết thủ tục hành chính[18] theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ[19], khai thác dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giấy trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung; đồng thời, rà soát, tổng hợp những khó khăn, bất cập trong quá trình vận hành hệ thống để báo cáo, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương kịp thời tháo gỡ.

- Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung của các bộ, ngành trung ương đảm bảo kết nối, tích hợp dữ liệu thông suốt, không ảnh hưởng đến việc giải quyết hồ sơ của người dân và doanh nghiệp; thực hiện tiếp nhận, giải quyết 100% hồ sơ đủ điều kiện trên hệ thống mới; rà soát người dùng, chuẩn hóa quy trình điện tử. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh[20]. Kết quả, đến ngày 21/3/2026 đã tích hợp 1.358/2.130 thủ tục hành chính; tiếp nhận 17.609 hồ sơ trên hệ thống tập trung của bộ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh quán triệt nội dung Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP và yêu cầu từng cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phải nắm chắc quy định sử dụng dữ liệu để thay thế theo Phụ lục I[21] hoặc cắt giảm theo Phụ lục II[22] của Nghị quyết. Kết quả: Đã cắt giảm thời gian giải quyết 1.713 thủ tục hành chính với tỷ lệ cắt giảm đạt 55,15%, vượt 25,15% so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP (chỉ tiêu 30%); trong đó, nổi bật là rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với dự án ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp từ 242 ngày xuống còn 60 ngày và các dự án trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp từ 145 ngày xuống còn 38 ngày, ủy quyền giải quyết 56 thủ tục hành chính và 04 nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Triển khai khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, khai thác thông tin từ hệ thống để thay thế giấy tờ, thành phần hồ sơ giấy trong giải quyết thủ tục

---

[18] Công văn số 2146/UBND-PVHCC ngày 25/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[19] Công văn số 159/TTg-CĐS ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái sử dụng thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ để giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.

[20] Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

[21] Thành phần hồ sơ được đề cập trong Phụ lục I là thành phần bắt buộc, phục vụ cho công tác giải quyết hồ sơ TTHC, nhưng không yêu cầu nộp bản giấy mà do người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng, cung cấp thông tin, dữ liệu điện tử hoặc do các cơ quan giải quyết TTHC khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu điện tử thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với các cơ sở dữ liệu theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP.

[22] Thành phần hồ sơ được đề cập trong Phụ lục II là thành phần sẽ được các Bộ, ngành Trung ương thực hiện cắt giảm thông qua các quyết định công bố thủ tục hành chính.

hành chính[23]. Triển khai thực hiện thủ tục hành chính theo mô hình tập trung và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu[24], đảm bảo lộ trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu dân cư và chuyển đổi số được thực hiện thống nhất, hiệu quả. Tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu và hướng dẫn của Bộ Tư pháp[25]. Hoàn thành việc công bố, công khai danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo Quy định tại Nghị quyết số 66.7/NQ-CP[26].

- Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến: Đã cung cấp 1.105 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đạt 99,6% số dịch vụ công đủ điều kiện) và 1.096 dịch vụ công trực tuyến một phần. Theo số liệu thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (đến ngày 15/4/2026) đạt 93,93 điểm. Cụ thể: Công khai, minh bạch đạt 18/18 điểm; Tiến độ giải quyết đạt 18,8/20 điểm; Dịch vụ công trực tuyến đạt 10/12 điểm; Thanh toán trực tuyến đạt 8,6/10 điểm; Mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm; Số hóa hồ sơ đạt 20,6/22 điểm.

- Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Tiếp tục thực hiện thông tin, tuyên truyền người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; triển khai mô hình đại lý dịch vụ công tại 91 điểm do các chi nhánh ngân hàng BIDV, Agribank trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện; đơn vị lực lượng vũ trang[27] triển khai vận hành các điểm hướng dẫn, hỗ trợ dịch vụ công nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030[28]; triển khai thần tốc xây dựng mô hình "Xã hạt nhân số" tại xã Tây Sơn[29].

- Phối hợp cung cấp thông tin tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng Công an cấp xã về Bộ Công an để thống kê mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong công tác giải quyết thủ tục hành chính[30].

---

[23] Công văn số 864/BTP-HCTP ngày 10/02/2026 của Bộ Tư pháp về việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu hộ tịch thay thế giấy tờ trong giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1985/UBND-PVHCC ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[24] Công văn số 528/BTP-KSTT ngày 28/01/2026 của Bộ Tư pháp về việc thủ tục hành chính theo mô hình tập trung và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; Công văn số 1365/UBND-PVHCC ngày 30/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[25] Rà soát đối với 734 thủ tục hành chính có chứa một trong 15 loại giấy tờ đã có thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (Công văn số 1470/STP-VP ngày 30/10/2025 của Sở Tư pháp).

[26] Công bố Danh mục 436 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 29/11/2025)

[27] Tại các địa phương: Xã Kon Gang, xã Gào, xã Chư A Thai, xã Chư Krey, xã Chơ Long, xã Vĩnh Sơn, xã Phù Mỹ Bắc, xã Phù Mỹ Đông, phường Hoài Nhơn Bắc, phường Quy Nhơn.

[28] Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.

[29] Thông báo số 174/TB-UBND ngày 17/3/2026 của UBND tỉnh.

[30] Công văn số 2612/CAT-PC06 ngày 02/3/2026 của Công an tỉnh.

5. Về tiện ích phát triển kinh tế - xã hội

5.1. Các sở, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế – xã hội trên các lĩnh vực:

- *Lĩnh vực Ngân hàng:* Công tác đối chiếu sinh trắc học qua thẻ Căn cước/Căn cước công dân và ứng dụng VNeID được các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai[31] với tỷ lệ hồ sơ khách hàng được đối chiếu đạt 100% tổng lượng tài khoản phát sinh giao dịch trên kênh số.

- *Lĩnh vực y tế:* 100% cơ sở khám, chữa bệnh (443/443 cơ sở) triển khai thực hiện khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng thẻ Căn cước/Căn cước công dân, ứng dụng VNeID với 9.501.629 lượt tra cứu thông tin thẻ Bảo hiểm y tế. Liên thông 108.689 Giấy chứng sinh, 1.849 Giấy báo tử lên Cổng Giám định Bảo hiểm xã hội, 403.122 dữ liệu khám sức khỏe phục vụ cấp đổi, lại Giấy phép lái xe trực tuyến. Triển khai 83 KIOSK y tế thông minh. Triển khai Bệnh án điện tử tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh; kết nối Hệ thống điều phối dữ liệu y tế với 40/40 cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

- *Lĩnh vực thuế:* 5.355/5.915 hộ kinh doanh kết nối, sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (tỷ lệ 90,5%); điều chỉnh doanh thu thuế khoán đối với 675 hộ kinh doanh với số thuế qua rà soát là 2.194 triệu đồng; rà soát, quản lý 85/85 đơn vị doanh nghiệp, 656/656 cá nhân người nộp thuế kinh doanh thương mại điện tử do Cục Thuế giao.

- *Lĩnh vực giáo dục:* Triển khai Học bạ số tại 100% đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh (*694 đơn vị sử dụng học bạ số trên hệ thống SMAS do Viettel cung cấp, 215 đơn vị sử dụng hệ thống VNEdu do VNPT cung cấp)*. Tổ chức thành công mô hình thi trực tuyến tập trung có áp dụng công nghệ xác thực danh tính bằng thẻ Căn cước/Căn cước công dân và nhận diện khuôn mặt tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, dự kiến nhân rộng ra các trường cao đẳng khác.

- *Lĩnh vực giao thông:* Bến xe khách trung tâm Quy Nhơn và Bến xe Đức Long đã triển khai, đưa vào sử dụng hệ thống thu phí không dừng góp phần hiện đại hóa hạ tầng đô thị, nâng cao hiệu quả quản lý giao thông đô thị, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước. Hoàn thành triển khai ứng dụng định danh, xác thực điện tử, nhận diện sinh trắc học phục vụ làm thủ tục đi máy bay tại Cảng hàng không Pleiku và Cảng hàng không Phù Cát.

---

[31] Hiện có 26/33 TCTD triển khai xác thực CCCD qua ứng dụng di động, 23/33 triển khai tại quầy; 20/33 triển khai tài khoản định danh – xác thực điện tử (VNeID), trong đó 09 đơn vị đã vận hành chính thức. Công tác làm sạch dữ liệu theo yêu cầu C06 được 10/33 TCTD ký kết triển khai; 14/33 TCTD đã liên kết tài khoản an sinh xã hội với tài khoản ngân hàng phục vụ chi trả an sinh xã hội qua VNeID.

- *Lĩnh vực Tòa án:* Sử dụng phần mềm Trợ lý ảo hàng ngày để tra cứu 10.012 lượt án lệ, văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thành công 22 phiên tòa trực tuyến, đảm bảo an ninh và tiết kiệm chi phí ngân sách.

5.2. *Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt*

- Các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh đã đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ, mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ATM, POS, QR code, Internet Banking và Mobile Banking[32].

- 100% trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; 100% doanh nghiệp nộp thuế bằng phương thức điện tử thông qua cổng thông tin điện tử dành cho doanh nghiệp; 98,2% tổng số hộ kinh doanh được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử qua ứng dụng eTax Mobile với số thuế thực hiện nộp qua ứng dụng đạt tỷ lệ 80% trên tổng số thuế đã nộp của hộ kinh doanh.

- Về chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt: 10.942/39.478 Người có công nhận chi trả trợ cấp hàng tháng theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (tỷ lệ 27,7%)[33]; 44.843/72.735 người nhận lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội hằng tháng (tỷ lệ 61,65%), 6.193/6.257 người nhận trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần (tỷ lệ 98,98%), 1.401/1.405 người nhận trợ cấp thất nghiệp (tỷ lệ 99,72%) qua hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

6. Về phát triển công dân số

6.1. Thu nhận, cấp thẻ Căn cước/Căn cước công dân cho 2.745.616 trường hợp. Thu nhận, cấp 2.370.597 hồ sơ định danh điện tử, kích hoạt 2.238.672 tài khoản định danh điện tử. ***Đánh giá:*** Trên tổng số 2.789.904 công dân đủ điều kiện, đã có 98,4% công dân có thẻ Căn cước/Căn cước công dân, 85% công dân được cấp tài khoản định danh điện tử, 80% công dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Triển khai cấp tài khoản VNeID cho 139 trường hợp là người nước ngoài.

6.2. Tiếp tục triển khai, cung cấp 50 tiện ích trên ứng dụng VNeID, bao gồm các dịch vụ công trực tuyến, quản lý giấy tờ, an sinh xã hội và tích hợp trợ lý ảo. VNeID giúp người dân thực hiện các thủ tục như xác nhận cư trú, khai báo tạm vắng, Lý lịch tư pháp và quản lý các loại giấy tờ như Giấy phép lái xe, thẻ Bảo hiểm y tế.

- *Về triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID:* Tích hợp 884.073 thẻ Bảo hiểm y tế, 17.242 giấy chuyển tuyến, 45.864 giấy hẹn tái khám lại trên ứng

[32] Trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 473 máy ATM, 4.981 thiết bị POS/EFTPOS/EDC và 4.164 đơn vị chấp nhận thẻ; các ngân hàng đều có ứng dụng thanh toán trực tuyến tích hợp nhiều tiện ích, khuyến mãi, ưu đãi nhằm khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt; mạng lưới QR code được triển khai rộng tại chợ, cửa hàng, doanh nghiệp

[33] Ngày 05/3/2026, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 1277/SNV-VP về tăng cường công tác chi trả trợ cấp

dụng VNeID. Tỷ lệ tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế, Sổ Sức khỏe điện tử trên tổng số công dân thường trú đạt 24,74%.

- *Về cấp Phiếu Lý lịch tư pháp:* Công an tỉnh tiếp tục triển khai cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID. Trong tháng, tiếp nhận 3.680 hồ sơ cấp phiếu Lý lịch tư pháp *(qua dịch vụ công: 415 trường hợp, VNeID: 3.182 trường hợp)*; đã cấp 3.775 Phiếu Lý lịch tư pháp *(qua dịch vụ công: 477 trường hợp, VNeID: 3.225)*.

6.3. Tích hợp giấy tờ lên VNeID: Hiện đã có 53/188 loại giấy tờ cá nhân và 93 loại giấy tờ tổ chức đã được đồng bộ, tích hợp lên VNeID[34].

7. Về kết nối, xác thực và chuẩn hóa dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu khác

7.1. Về số hóa, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

(1) Về dữ liệu hộ tịch: Hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch với 2.969.249 dữ liệu. Làm sạch dữ liệu khai sinh: Rà soát, xử lý 217.481/217.481 *(tỷ lệ 100%)* dữ liệu khai sinh cần rà soát, xử lý sai lệch trường hợp đợt 1/2026 trên Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử. Làm sạch dữ liệu kết hôn: Xử lý 54.527/54.532 *(tỷ lệ 99%)* dữ liệu kết hôn sai lệch trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch. Tòa án nhân dân tỉnh số hóa 62.820 bản án/quyết định ly hôn, đồng bộ 100% và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

(2) Về dữ liệu đất đai: Hoàn thành phân loại 2.053.343 thửa đất xây dựng cơ sở dữ liệu; đối khớp 2.053.343/2.062.125 thửa đất *(8.782 thửa đất chưa xác định do chủ đất khai báo sai thông tin)*; thu thập 51.547 Giấy Chứng nhận thửa đất, quét và nhập vào cơ sở dữ liệu; đồng bộ 2.053.343 thửa đất vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Hiện đang tiếp tục triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA và Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 29/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(3) Về dữ liệu thuế: Rà soát, làm sạch chuẩn hóa 4.020/4.197 thông tin mã số thuế doanh nghiệp, tỷ lệ 95,78%; rà soát làm sạch 230.956/233.749 thông tin mã số thuế cá nhân, tỷ lệ 98,81% (làm sạch 142.409), đảm bảo định danh tổ chức và triển khai số định danh cá nhân là mã số thuế từ ngày 01/7/2025.

(4) Về dữ liệu cán bộ công chức, viên chức: Cập nhật, kết nối, chia sẻ 66.911 hồ sơ cán bộ, công chức sau sắp xếp, sáp nhập cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính theo chính quyền 2 cấp.

---

[34] ***Gồm:*** Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy phép lái xe, Thông báo xử phạt vi phạm giao thông, Phiếu lý lịch tư pháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy khai tử, giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh,…

(5) Về dữ liệu Bảo hiểm xã hội: Đã xác thực 2.834.729 thông tin nhân khẩu có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đạt 99,8%, đảm bảo triển khai mã số định danh cá nhân làm mã số Bảo hiểm xã hội.

(6) Về dữ liệu giáo dục, đào tạo: 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai đồng bộ các hệ thống dùng chung bao gồm hệ thống quản lý trường học, quản lý hồ sơ – sổ sách điện tử, quản lý thiết bị dạy học, ngân hàng đề thi, thư viện số, tuyển sinh đầu cấp và chuyển trường học. Kho học liệu số và bài giảng điện tử được xây dựng, cập nhật với trên 700 nghìn học liệu. Triển khai Học bạ số tại 100% cơ sở giáo dục phổ thông, đảm bảo ký số và nộp học bạ điện tử đúng tiến độ góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục. Công tác số hóa hồ sơ, dữ liệu ngành được triển khai quyết liệt; hoàn thành công tác quét chụp Sổ gốc bằng tốt nghiệp THPT năm 2025, chuẩn bị dữ liệu cập nhật lên phần mềm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện đang tiếp tục các bước số hóa dữ liệu Bằng tốt nghiệp THPT đã cấp từ năm 2020 – 2024.

(7) Về dữ liệu dân cư: Làm sạch 3.582.938 dữ liệu thông tin dân cư, đảm bảo thông tin dân cư *"đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"*; cập nhật thông tin 69.902 hội viên Hội người cao tuổi, 76.354 hội viên Hội Nông dân, 24.473 hội viên Hội Cựu chiến binh, 3.766 hội viên Hội Chữ thập đỏ, 1.360.521 thông tin người lao động, 356.016 tờ khai với 447.238 phương tiện giao thông, 316.325 đối tượng An sinh xã hội,…… lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; 5.525 dữ liệu Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET; làm sạch 87.666/105.178 thông tin đối tượng, án tích *(tỷ lệ 83,4%),* làm sạch 111.780/129.544 danh chỉ bản *(tỷ lệ 86,3%),* làm sạch 39.115/40.800 hồ sơ lý lịch tư pháp *(tỷ lệ 95,9%)*; làm sạch hơn 26 triệu dữ liệu đăng ký, quản lý phương tiện.

(8) Rà soát ADN liệt sĩ: Qua rà soát 21.834 liệt sĩ đã được cập nhật trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, có 7.887 trường hợp thông tin liệt sĩ chưa xác định được danh tính, đã thực hiện cập nhật 3.699 trường hợp thân nhân họ ngoại lấy mẫu ADN.

(9) Triển khai định danh tàu thuyền: Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành đối soát dữ liệu *(Chủ tàu, số Căn cước, điện thoại, địa chỉ liên hệ gắn với dữ liệu dân cư, VNeID)* đối với 5.765 tàu cá.

(10) Lĩnh vực Tòa án: Đăng tải 3.189 bản án đủ điều kiện lên Cổng Thông tin công bố bản án của Tòa án nhân dân tối cao. Xác minh 12.417 thông tin cư trú trên CSDL quốc gia về dân cư, giảm 60% thời gian xác minh so với phương thức gửi văn bản truyền thống.

7.2. Về kết quả triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP về việc thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị

- UBND tỉnh ký kết Kế hoạch phối hợp số 12/KHPH-C12-UBNDGL ngày 14/01/2026 với Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12) về Xây dựng, triển khai mô hình điểm Chiến lược dữ liệu tại tỉnh Gia Lai nhằm thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng, tạo lập dữ liệu trên địa bàn tỉnh với 19 nhiệm vụ. Đến nay, tỉnh đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ lớn như: Ban hành Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030; ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu, Danh mục dữ liệu tỉnh Gia Lai; Ban hành Mô hình nghiệp vụ dữ liệu tỉnh Gia Lai;… tạo hành lang pháp lý trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tiếp tục phối hợp C12 dịch chuyển các hệ thống, kết nối dữ liệu lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia, bảo đảm vận hành ổn định hệ thống hạ tầng tập trung cấp tỉnh kết nối thông suốt với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Về tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu:

+ Đối với 12 cơ sở dữ liệu quốc gia theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW: 02 cơ sở dữ liệu chưa có nền tảng[35]; 04 cơ sở dữ liệu mặc dù đã có nền tảng nhưng vẫn chưa đảm bảo yêu cầu "đúng, đủ, sạch, sống" do chưa được đối soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để làm sạch, chưa kết nối, đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia[36]; 06 cơ sở dữ liệu đã có nền tảng, được hình thành tập trung[37].

- Đối với 104 cơ sở dữ liệu cần đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 11/NQ-CP: Hiện có 79 cơ sở dữ liệu thống nhất danh mục trường thông tin và đặc tả, phục vụ đồng bộ, trong đó: 52 cơ sở dữ liệu đã thực hiện đồng bộ dữ liệu thật[38], 27 cơ sở dữ liệu đã thống nhất danh mục trường thông tin, đang triển khai kiểm thử trên môi trường dev-test[39]. Hiện còn 25 cơ sở dữ liệu chưa thống nhất danh mục trường thông tin đồng bộ về cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia[40].

- Tiếp tục xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết hợp với xây dựng Kho Dữ liệu số theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh. Số lượng cơ sở dữ liệu đã kết nối thành công giữa LGSP của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống khác bao gồm 1.865.

---

[35] ***Gồm:*** CSDL quốc gia về an sinh xã hội (Bộ Nội vụ); CSDL xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp chuyển sang Bộ Công an).

[36] ***Gồm:*** CSDL quốc gia về xây dựng (Bộ Xây dựng); CSDL ngành Y tế (Bộ Y tế); CSDL thanh tra thu nhập tài sản (Thanh tra Chính phủ); CSDL ngành nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

[37] ***Gồm:*** CSDL Hộ tịch điện tử (Bộ Tư pháp); CSDL quốc gia về đất đai (Bộ Nông nghiệp và môi trường); CSDL bản án, quyết định Toà án (Toà án nhân dân tối cao); CSDL quốc gia về tài chính (Bộ Tài chính); CSDL ngành Giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo); CSDL hàng hóa (hóa chất, tiền chất) (Bộ Công thương).

[38] ***Gồm:*** Bộ Công an 12 CSDL; Bộ Tài chính 10 CSDL; Bộ Tư pháp 03 CSDL; Bộ Xây dựng 05 CSDL; Ngân hàng Nhà nước 04 CSDL; Tập đoàn điện lực Việt Nam 01 CSDL; Tòa án nhân dân tối cao 01 CSDL; Bộ Nông nghiệp và Môi trường 09 CSDL; Bộ Khoa học và Công nghệ 07 CSDL.

[39] ***Gồm:*** Bộ Công an 05 CSDL; Bộ Nông nghiệp và Môi trường 02 CSDL; Bộ Y tế 12 CSDL; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 04 CSDL; Bộ Công thương 01 CSDL; Bộ Nội vụ 01 CSDL; Bộ Tư pháp 01 CSDL; Văn phòng Chính phủ 01 CSDL.

[40] ***Gồm:*** Bộ Nội vụ 06 CSDL; Bộ Xây dựng 04 CSDL; Bộ Tài chính 03 CSDL; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 03 CSDL; Bộ Công an 02 CSDL; Bộ Dân tộc và Tôn giáo 02 CSDL; Bộ Ngoại giao 01 CSDL; Bộ Giáo dục và Đào tạo 01 CSDL.

7.3. Về hạ tầng, hệ thống thông tin của địa phương trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình mới

- Tỷ lệ phủ sóng di động và băng rộng di động đã đạt 100% tại trung tâm các xã, phường và tại 2.692/2.693 thôn, làng (tỷ lệ 99,9%); hạ tầng mạng băng rộng cố định (cáp quang) cũng duy trì mức độ bao phủ cao, đạt 100% tại trung tâm xã, phường và tại 2.677/2.693 thôn, làng (tỷ lệ 99,4%); mạng 5G đã được các doanh nghiệp triển khai tại trung tâm các xã, phường với 204 trạm thu, phát sóng 5G được lắp đặt; số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt 84,2 thuê bao; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 73,4%.

- 100% các cơ quan nhà nước đã kết nối và duy trì hoạt động ổn định với Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II. Công tác chuyển đổi giao thức Internet thế hệ mới được đẩy mạnh với 100% cổng/trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành đã hoàn thành việc chuyển đổi sang IPv6. Hệ thống hội nghị truyền hình đã được kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến 100% các xã, phường đáp ứng hiệu quả yêu cầu tổ chức các cuộc họp và chỉ đạo điều hành.

- Hình thành và đưa vào vận hành Trung tâm Dữ liệu[41] bảo đảm duy trì các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống quan trọng của tỉnh sau sáp nhập. Tiến hành kết nối với một số cơ sở dữ liệu, hệ thống như: Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử; Hệ thống cấp Phiếu lý lịch tư pháp, ...

- Xây dựng, duy trì hệ thống Trung tâm điều hành IOC tỉnh Gia Lai, nâng cấp hệ thống nhằm phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh dựa trên hạ tầng, cơ sở dữ liệu đã xây dựng với 05 dịch vụ cơ bản và 03 dịch vụ mở rộng[42]. Xây dựng, triển khai Gia Lai Dashboard (https://dashboard.gialai.gov.vn) là hệ thống tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành theo tiến độ được phê duyệt tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh. Tiếp tục nâng cấp tiện ích Công dân số Gia Lai (iGiaLai) với 13.394 lượt cài đặt.

- Công bố danh sách các nền tảng số ưu tiên sử dụng trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển Chính quyền số; duy trì, vận hành phục vụ công tác quản lý, điều

---

[41] Năng lực hạ tầng hiện có khoảng 40 máy chủ vật lý, trên 280 máy chủ ảo, tổng dung lượng lưu trữ trên 300 TB, đáp ứng cơ bản nhu cầu vận hành hiện tại. Tại cơ sở 1 đang vận hành phần lớn các hệ thống bao gồm hệ thống văn bản điện tử 58 xã/phường khu vực Bình Định (cũ) và toàn bộ hệ thống dùng chung của tỉnh sau sáp nhập, đồng thời phải duy trì cả hệ thống văn bản cũ để tra cứu; cơ sở 2 vẫn đang duy trì vận hành hệ thống văn bản điện tử 77 xã/phường khu vực Gia Lai (cũ); hệ thống văn bản cũ, LGSP và hosting đang trong giai đoạn chuyển tiếp đến khi hợp nhất hạ tầng 2 cơ sở.

[42] Gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; Dịch vụ Giám sát an ninh trật tự của đô thị; Dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; Dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; Dashboard tổng hợp giám sát điều hành; Hệ thống giám sát dịch vụ công; Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội. Ngoài ra, Trung tâm IOC có liên kết Dịch vụ giảm sát hành trình tàu cá: Dịch vụ này kết nối với Tổng cục Thủy sản (nay là Cục Thủy sản và kiểm ngư), giám sát tàu cá đang hoạt động đánh bắt trên biển.

hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước trên môi trường số[43]. Rà soát, công bố 20 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử để các doanh nghiệp hỗ trợ thực hiện. Hoàn thành các hệ thống, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên triển khai và đẩy mạnh khai thác, sử dụng[44].

- Tiếp tục triển khai cấp chữ kí số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh góp phần thúc đẩy giao dịch điện tử và nâng cao hiệu quả cải cách hành chính. Đến ngày 13/3/2026, trên địa bàn tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp 50.444 chứng thư số cho tổ chức, cá nhân (trong đó, 23.351 USB Token, 2.031 sim PKI và 25.062 chữ kí số tập trung RSSP); phối hợp với các doanh nghiệp cấp chữ kí số công cộng cho 100% cán bộ, công chức và cho hơn 292 nghìn người dân trong độ tuổi trưởng thành.

- Triển khai Hệ thống trợ lý ảo của tỉnh (http://trolyao.gialai.gov.vn) ứng dụng AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước[45].

6.4. Về an ninh, an toàn mạng

- Hệ thống thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin cấp độ 3[46]. Đầu tư và đưa vào vận hành sử dụng đối với thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DDOS) và phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP) cho hệ thống thông tin tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.

---

[43] Gồm: Nền tảng LGSP; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoạt động ổn định, việc luân chuyển văn bản điện tử đã được thực hiện liên thông 04 cấp; Hệ thống hội nghị truyền hình từ Trung ương đến cấp xã; phần mềm Quản lý giao việc; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử tỉnh và Hệ thống Trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước, Hệ thống thông tin trên nền tảng mạng xã hội "Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai".

[44] Các hệ thống, CSDL ngành nông nghiệp; Hệ thống thông tin quản lý trường học (CSDL về giáo viên, học sinh); Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống thông tin quốc gia về Quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn; mô hình "Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID"; Nền tảng Quản lý tiêm chủng; Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Nền tảng Trạm Y tế xã; Hệ thống quản lý và khai thác CSDL ngành Giao thông vận tải; hoàn thành xây dựng CSDL đất đai, xây dựng CSDL nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh; Cổng du lịch thông minh tỉnh Gia Lai; các hệ thống thông tin tài chính;…

[45] Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3624/UBND-KGVX ngày 17/9/2025 về thực hiện nhiệm vụ triển khai nền tảng "Trợ lý ảo" cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ triển khai nền tảng "Trợ lý ảo" cho 100% các Sở, ban, ngành và địa phương; đồng thời, tổ chức 08 lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng nền tảng cho hơn 410 cán bộ, công chức, viên chức của 135 xã, phường trên địa bàn tỉnh; tổ chức 02 lớp tập huấn vận hành, khai thác nền tảng Trợ lý ảo hỗ trợ nghiệp vụ đất đai cho 141 học viên gồm cán bộ, viên chức của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và các chi nhánh trên địa bàn tỉnh theo Thông báo số 426/TB-UBND ngày 06/12/2025 Ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn.

[46] Tại Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh (cơ sở 1) và Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/3/2029 của UBND tỉnh (cơ sở 2).

- Tiếp tục xây dựng, thành lập Trung tâm An ninh mạng của tỉnh theo định hướng kiến trúc kỹ thuật thống nhất của Trung tâm An ninh mạng quốc gia (Cục A05, Bộ Công an)[47].

- Tiếp tục tăng cường thực hiện các mặt công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, cổng thông tin điện tử; phòng, chống tấn công mạng; sẵn sàng ứng phó với các sự cố, tình huống nguy hiểm về an ninh mạng. - Tiểu ban an toàn an ninh mạng ban hành Kế hoạch số 646/KH-TBANMATTT-ĐA06 ngày 13/3/2026 về Hoạt động của Tổ An ninh mạng, an toàn thông tin Công an tỉnh thực hiện Đề án 06.

- Tiến hành kiểm tra toàn diện an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu và đẩy mạnh nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh năm 2026 theo Kế hoạch số 3178/KH-CAT-PA05 ngày 19/3/2026 của Công an tỉnh; kết quả, đã kiểm tra 57 UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Tính đến tháng 3/2026, đã có 688 cán bộ, công chức thực hiện 74.048 lượt khai thác dữ liệu dân cư phục vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

8. Về nguồn lực

- Triển khai khóa học "Hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính" trên nền tảng Bình dân học vụ số nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức và đội ngũ nhân sự trực tiếp thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính các cấp[48].

- Tỉnh đã bố trí đủ nguồn lực và trang bị cơ sở vật chất máy móc, thiết bị, đường truyền phục vụ cho hoạt động của cấp xã, đảm bảo bộ máy chính quyền địa phương đi vào hoạt động thông suốt không bị gián đoạn.

- Triển khai ứng dụng Trợ lý ảo – AI cho toàn tỉnh giúp cán bộ, công chức, viên chức nâng cao năng suất, hiệu quả công việc. Xây dựng các sổ tay điện tử trong các lĩnh vực và tổ chức tập huấn về kiến thức số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục triển khai sâu rộng Phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân.

9. Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành

---

[47] Ngày 27/3/2026, Công an tỉnh ban hành Tờ trình số 3519/TTr-CAT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện Dự án "Xây dựng trung tâm An ninh mạng tỉnh Gia Lai" báo cáo UBND tỉnh Gia Lai.

[48] Công văn số 9005/TCT ngày 23/12/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 về việc tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 205/UBND-PVHCC ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh; Công văn số 120/VPUBND-PVHCC ngày 21/01/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

Tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống CSDL quốc gia về dân cư phục vụ yêu cầu quản lý Nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự; đồng thời, phối hợp cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý của các sở, ngành *(xác nhận thông tin công dân phục vụ giao dịch tài chính, nhà đất; làm sạch dữ liệu bảo hiểm; dữ liệu tiêm chủng…)* và công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Các thủ tục hành chính được thay thế bằng dữ liệu thuộc phạm vi giải quyết của địa phương theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ chưa được tích hợp, cung cấp đầy đủ tại các dịch vụ công trực tuyến tại Hệ thống tập trung của Bộ, ngành theo chỉ đạo của Chính phủ; hiện còn 290/786 thủ tục hành chính chưa thực hiện tái cấu trúc.

2. Tiến độ xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng số dùng chung của các sở, ngành còn chậm do phụ thuộc vào tiến độ triển khai của các bộ, ngành Trung ương.

3. Tỷ lệ người dân sử dụng các tiện ích do Đề án 06, chuyển đổi số mang lại còn thấp, chưa đạt được kết quả như kỳ vọng như: không dùng tiền mặt trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, chi trả an sinh xã hội, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, …; tỷ lệ người dân cài đặt, kích hoạt, tích hợp giấy tờ và sử dụng các tiện ích số còn chưa cao.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỀ ÁN 06 TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tập trung hoàn thành, đảm bảo tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, phù hợp với Chiến lược dữ liệu, Chiến lược Chuyển đổi số của tỉnh, đảm bảo dữ liệu *"đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"*. Tăng cường tái sử dụng dữ liệu để phục vụ cải cách thủ tục hành chính và quản lý, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tiếp tục ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ Căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực: ngân hàng, y tế, giáo dục, thuế, giao thông,…; trong đó, tập trung các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân như: Bệnh án điện tử, Học bạ số, Sổ Sức khỏe điện tử, Chữ ký số công cộng,…. Chuyển đổi, sử dụng số định danh cá nhân là mã số thuế, mã số Bảo hiểm xã hội và các giấy tờ khác theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

3. Triển khai đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, đảm bảo khả năng vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, ưu tiên đào tạo trực tuyến trên Nền tảng "Bình dân học vụ số".

4. Tập trung thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển công dân số, tuyên truyền để người dân chủ động xác thực, tích hợp giấy tờ trên VNeID (*thẻ Bảo*

hiểm y tế, Sổ Sức khỏe điện tử, Chữ ký số công cộng, tài khoản an sinh xã hội, Giấy phép lái xe, tình trạng hôn nhân,...) để sử dụng khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự hằng ngày.

5. Rà soát, đánh giá, phân loại mức độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và triển khai đầy đủ các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các nguy cơ, sự cố mất an toàn thông tin, tấn công mạng.

Phần 3

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Quan tâm hỗ trợ lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và hỗ trợ nâng cấp Viện Nghiên cứu khoa học và giáo dục liên ngành (IFIRSE), thuộc Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE).

- Hỗ trợ tỉnh triển khai 02 công nghệ chiến lược và 01 bài toán lớn trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn triển khai các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn cụ thể về nội dung hợp tác 3 nhà, hợp tác công tư trong khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025.

- Quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. Đối với Bộ Công an:

- Sớm triển khai Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính tập trung để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Quan tâm, hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng hạ tầng, tài nguyên của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đôn đốc các Bộ, ngành Trung ương triển khai nhanh các nền tảng dùng chung toàn quốc để đưa vào sử dụng thống nhất, tránh việc đầu tư dàn trải, thiếu định hướng.

- Kính đề nghị Bộ Công an quan tâm hỗ trợ, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xem xét hỗ trợ nguồn vốn ngân sách Trung ương để triển khai dự án Trung tâm an ninh mạng tỉnh nhằm đảm bảo năng lực bảo vệ toàn diện an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trên không gian mạng.

3. Đối với các Bộ, ngành Trung ương:

- Hỗ trợ việc chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo thời gian thực đối với các cơ sở dữ liệu đã được xác định tập trung xây dựng tại Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết 214/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP để tỉnh Gia Lai khai phá, phân tích dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xây dựng Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC).

- Thống nhất về việc các địa phương có phải xây dựng các nền tảng để tạo lập, quản lý, sử dụng đối với các CSDL quốc gia và CSDL chuyên ngành.

Trên đây là báo cáo sơ kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính gửi Bộ Công an xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Công an;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- Công an tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Các Sở: KHCN, TC, XD, NNMT;
- CVP, PVP VX;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, T5, V1, V9.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 11/QĐ-BCĐCP NGÀY 27/02/2026 CỦA BAN CHỈ ĐẠO CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Báo cáo 87 /BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh)

Ghi chú: trích xuất từ hệ thống theodoinq.dcs.vn

TT	Chỉ tiêu/Mô tả	Đơn vị tính	Kết quả phải đạt	Kết quả	Mô tả tình hình thực hiện trong kỳ
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	100	Hiện nay, Sở KH&CN đã phối hợp cấp : 50.444 chữ ký số, trong đó USB Token: 23.351, Sim PKI: 2031, Chữ ký số tập trung: 25.062
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử	%	100	100	Hiện tại trên địa bàn tỉnh các cơ quan hành chính nhà nước đã được trang bị phần mềm quản lý văn bản và điều hành, nên việc xử lý văn bản được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng
3	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử (Cấp Tỉnh)	%	≥70	100	Hiện tại trên địa bàn tỉnh các cơ quan hành chính nhà nước đã được trang bị phần mềm quản lý văn bản và điều hành, nên việc xử lý văn bản được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng
4	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử (Cấp Xã)	%	≥70	100	Hiện tại trên địa bàn tỉnh các cơ quan hành chính nhà nước đã được trang bị phần mềm quản lý văn bản và điều hành, nên việc xử lý văn bản được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng
5	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản	%	≥80	100	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 21/4:

TT	Chỉ tiêu/Mô tả	Đơn vị tính	Kết quả phải đạt	Kết quả	Mô tả tình hình thực hiện trong kỳ
	lý của Bộ, cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã)				- Tổng số TTHC Số TTHC đủ điều kiện cung cấp DVC toàn trình: 1071. - Số TTHC đã cung cấp DVC trực tuyến toàn trình: 269, chiếm tỷ lệ 25,12%. Đề nghị các Bộ hoàn thành việc tích hợp các DVCTT trên các hệ thống của Bộ.
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	%	≥80	100	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 21/4: - Tổng số TTHC Số TTHC : 2124. - Số TTHC đã cung cấp DVC trực tuyến toàn trình: 269, chiếm tỷ lệ 12,66%. Đề nghị các Bộ hoàn thành việc tích hợp các DVCTT trên các hệ thống của Bộ.
7	Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	%	≥80	96,45	UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nghiêm việc thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần và không yêu cầu người dân nộp thông tin, giấy tờ mà khai thác, sử dụng dữ liệu thay thế trong giải quyết thủ tục hành chính : Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 về Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Công văn số 1985/VPUBND-PVHCC ngày 13/02/2026 về triển khai khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Công văn số 1658/UBND-PVHCC ngày 07/02/2026 về

TT	Chỉ tiêu/Mô tả	Đơn vị tính	Kết quả phải đạt	Kết quả	Mô tả tình hình thực hiện trong kỳ
					triển khai khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; ; Tổ chức rà soát, lập "Danh sách thành phần hồ sơ được tái sử dụng từ kết quả giải quyết của thủ tục; chỉ đạo cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ (Công văn số 4663/UBND-PVHCC ngày 16/04/2026). Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa của tỉnh đạt 96,45%
8	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	%	100	100	Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh Gia Lai đang hoàn thiện việc cấu hình quy trình thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Theo đó, người dân, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa bất kỳ; sau đó, hồ sơ sẽ được số hóa, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và trả kết quả tại nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu. Việc triển khai thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới hiện nay chưa thể triển khai trên "Hệ thống một cửa tập trung" của Bộ, ngành Trung ương, làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp so với trước đây
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	%	100	100	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên

TT	Chỉ tiêu/Mô tả	Đơn vị tính	Kết quả phải đạt	Kết quả	Mô tả tình hình thực hiện trong kỳ
					chức năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng trực tiếp về nâng cao trình độ chuyển đổi số, kỹ năng số cho 532 cán bộ, công chức, viên chức cấp xã. Đồng thời, Sở Nội vụ cũng phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức tập huấn trực tuyến về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung và phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai khóa học "Hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính" trực tuyến trên phần mềm binhdanhocvuso.gov.vn cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.
10	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	%	≥50	50,00	Hiện nay Công an tỉnh đã tổ chức 01 lớp tập huấn về an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc chuyển đổi số ở các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Hiện đang phối hợp rà soát tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới.
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến	%	100	100	Số liệu ngày 21/4/2026: Trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, giảm tối đa giấy tờ trong giải quyết TTHC. Khi thực hiện mô hình Hệ thống tập trung: Số TTHC liên quan đến doanh nghiệp: 1050. Số

TT	Chỉ tiêu/Mô tả	Đơn vị tính	Kết quả phải đạt	Kết quả	Mô tả tình hình thực hiện trong kỳ
					TTHC được cung cấp DVCTT 311, chiếm 29,6%.. Đề nghị các Bộ hoàn thành việc tích hợp các DVCTT trên các hệ thống của Bộ.
12	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	%	≥95	94,31	Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 21/4/2026: Chỉ số mức độ hài lòng đạt 18/18. Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến 94,31%.
13	Thương mại hóa thành công sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược	%	05	0	- Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược do Việt Nam phát triển trong mua sắm công giai đoạn 2026–2030 tại Kế hoạch số 033/KH-SKHCN ngày 30/03/2026 - UBND tỉnh đã đề xuất với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và danh mục bài toán lớn tại Văn bản số 4739/UBND-KGVX ngày 18/04/2026